

Số: 141 /2025/QĐ-CTUBND

Hưng Yên, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 167/TTr-STC ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Văn bản số 2051/BC-STC ngày 17 tháng 10 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên được giao tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể như sau:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 3 Điều 10, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (không phải là nhà ở công vụ, ô tô, máy móc, thiết bị) thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 11, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14; điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13, khoản 3 Điều 47 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng và không bao gồm trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác) quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

l) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

m) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

n) Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công không quy định cụ thể tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15; các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên, gồm:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, gồm: Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh); chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh (sau đây gọi là đơn vị trực thuộc).

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); các phòng, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là các đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

2. Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội) khi thực hiện điều chuyển tài sản công quy định tại Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 10 Quyết định này.

3. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (không phải là nhà ở công vụ, xe ô tô, máy móc, thiết bị)

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản khác thuộc phạm vi quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản khác thuộc phạm vi quản lý tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển; bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quyết định này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) là xe ô tô và tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh.

2. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) là tài sản có giá trị nguyên

giá theo sổ sách kế toán dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) là tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển:

a) Tài sản công (bao gồm xe ô tô nhưng không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh với cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội).

b) Tài sản công (bao gồm xe ô tô nhưng không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh, cấp xã và giữa các xã, phường.

2. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) giữa đơn vị mình và đơn vị trực thuộc; giữa các đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Sở Tài chính quyết định bán tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) là xe ô tô và tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh.

2. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) là xe ô tô và tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh.

2. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình và đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được giao quản lý, sử dụng; đảm bảo các điều kiện về tiêu hủy tài sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định

Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do nguyên nhân khác thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô) của đơn vị thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do mình hoặc cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là chủ dự án hoặc chủ đầu tư dự án, cụ thể:

1. Giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thanh lý.

3. Tiêu hủy.

4. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; bán.

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục được thực hiện theo nội dung đã phê duyệt, không phải trình phê duyệt lại.

Điều 18. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2025.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

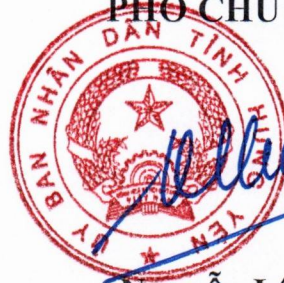
3. Giao Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định, giải đáp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trường hợp vượt thẩm quyền.

4. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Thủ trưởng: cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Phg*

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - hội nghị tỉnh;
- Báo, Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu VT, TH *+*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lê Huy